

## CÔNG KHAI TRƯỜNG TH&THCS BẾ VĂN ĐÀN NĂM HỌC 2024-2025

### I. THÔNG TIN CHUNG

**1. Tên cơ sở giáo dục:** TRƯỜNG TH&THCS BẾ VĂN ĐÀN.

**2. Địa chỉ:**

Địa chỉ: Thôn Tân An, xã ĐắkR'Moan, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh  
Đắk Nông;

Email: [c12bevandangn.daknong@moet.edu.vn](mailto:c12bevandangn.daknong@moet.edu.vn)

Công thông tin điện tử: <http://c12bevandan.pgdgianghia.edu.vn>

**3. Loại hình cơ sở giáo dục:**

Loại hình: Trường công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND thành phố Gia Nghĩa;

Tên nhà đầu tư thành lập: UBND thành phố Gia Nghĩa.

**4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục**

Đào tạo đội ngũ học sinh phát triển toàn diện, có khả năng học tập suốt đời, có kỹ năng tốt, sẵn sàng học tập trong mọi môi trường giáo dục.

Khẳng định được vị trí và thương hiệu của nhà trường, là điểm đến tin cậy của phụ huynh, là ngôi trường hạnh phúc của tập thể CB-GV-NV và học sinh.

Xây dựng trường học hạnh phúc. Mỗi học sinh, khi đến trường, đều tìm thấy niềm vui mỗi ngày, đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của mình.

Là một trường đi đầu không khu vực trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.

Xây dựng môi trường học tập thân thiện, lành mạnh, tích cực, an toàn với cơ sở vật chất, cảnh quan xanh sạch đẹp, tổ chức nhiều hoạt động giáo dục, VH-TT, sinh hoạt tập thể vui tươi, lành mạnh, tạo không khí đoàn kết, thân ái, thi đua học tập. Huy động thêm nhiều sự tham gia, quan tâm hợp tác, cộng đồng trách nhiệm của các Đoàn thể, CMHS và toàn xã hội đối với nhà trường.

Đánh giá học sinh đảm bảo khách quan, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh. Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra cả chương trình,

hợp lý giữa hình thức trắc nghiệm và tự luận. Giáo viên khi chấm kiểm tra phải có lời nhận xét động viên, theo dõi sự cố gắng tiến bộ của học sinh. Hướng dẫn học sinh đánh giá lẫn nhau và biết tự đánh giá năng lực của mình.

### **5. Quá trình hình thành và phát triển**

Trường Tiểu học Bé Văn Đàn được thành lập theo Quyết định số 360/QĐ-CTUBND ngày 21 tháng 8 năm 2007 của Chủ tịch UBND thị xã Gia Nghĩa.

Đến ngày 02/11/2010 UBND thị xã Gia Nghĩa đã ban hành Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2010 của về việc thành lập Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bé Văn Đàn trên cơ sở trường tiểu học Bé Văn Đàn.

Năm học 2024-2025 nhà trường có 24 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên nhiệt tình, có tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cao với mọi công việc được giao, năng lực chuyên môn vững, tận tụy, hết lòng vì học sinh, yên tâm với nghề và thực sự yêu nghề, mến trẻ. CB, GV, NV đều đạt chuẩn, đây là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục.

Lượng học sinh đến trường tính đến đầu năm học 2024- 2025, trường có 11 lớp với hơn 327 học sinh.

### **6. Thông tin người đại diện pháp luật:**

Họ tên: Nguyễn Văn Hương,

Chức vụ: Hiệu trưởng;

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Tân An, xã ĐăkR'Moan, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Điện thoại: 0986950157

Thư điện tử: nguyenvanhuong@gmail.com

### **7. Tổ chức bộ máy:**

a) Trường TH&THCS Bé Văn Đàn được thành lập theo Quyết định số 583/QĐ-UB ngày 02 tháng 11 năm 2010 của Chủ tịch UBND thị xã Gia Nghĩa trên cơ sở trường tiểu học Bé Văn Đàn.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường: Quyết định số 1350/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc thành lập Hội đồng trường Tiểu học và trung học cơ sở Bé Văn Đàn.

<b>TT</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Chức vụ trong Hội đồng</b>
01	Ông Nguyễn Văn Hương,	- Bí thư Chi bộ, hiệu trưởng;	Chủ tịch HĐ
02	Ông Lê Văn Quân,	- Phó bí thư chi bộ-Phó hiệu	PCT HĐ

		trưởng	
03	Ông Trần Đức Thọ	- Chủ tịch công đoàn –TPTĐ;	PCT HĐ
04	Bà Đặng Thi Loan,	- Tổ trưởng chuyên môn;	Thành viên
05	Ông Hoàng Văn Trinh	- Tổ trưởng chuyên môn;	Thành viên
06	Ông Đặng Văn Diên	- Tổ trưởng chuyên môn;	Thành viên
07	Bà Trần Thị Huyền	- Tổ trưởng Tổ Văn phòng;	Thành viên
08	Bà H Mắc	- Bí thư chi đoàn	Thành viên
09	Ông Nguyễn Văn Doanh	Phó CTUBND xã Đăk R'Moan	Thành viên
10	Ông Phan Văn Chương	- Trưởng Ban đại diện CMHS;	Thành viên
11	Em Liên đội trưởng nhà trường	- Liên đội trưởng	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm ban giám hiệu

Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý của UBND thành phố Gia Nghĩa đối với ông Nguyễn Văn Hương, hiệu trưởng trường TH&THCS Bé Văn Đàn; Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý của UBND thành phố Gia Nghĩa đối với ông Lê Văn Quân, phó hiệu trưởng trường trường TH&THCS Bé Văn Đàn;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động

Trường ban hành Quy chế số 53/QCLV-BVĐ ngày 29/9/2023 về việc ban hành quy chế làm việc trường trường TH&THCS Bé Văn Đàn.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể

Trường Tiểu học Bé Văn Đàn được thành lập theo Quyết định số 360/QĐ-CTUBND ngày 21 tháng 8 năm 2007 của Chủ tịch UBND thị xã Gia Nghĩa.

Đến ngày 02/11/2010 UBND thị xã Gia Nghĩa đã ban hành Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2010 của về việc thành lập Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bé Văn Đàn trên cơ sở trường tiểu học Bé Văn Đàn

Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục:

Họ tên: Nguyễn Văn Hương, Điện thoại: 0986950157

Chức vụ: Hiệu trưởng, Địa chỉ Email: nguyenvuong@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Tân An, xã ĐăkR'Moan, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông.

Nhiệm vụ, trách nhiệm:

Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường theo quy định tại Điều 9 Điều lệ trường học; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; tổ chức thành lập hội đồng trường theo quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 10 Điều lệ trường học;

- Tổ chức xây dựng chiến lược, tầm nhìn, mục tiêu, quy hoạch phát triển nhà trường; quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; kế hoạch giáo dục hằng năm của nhà trường để trình hội đồng trường phê duyệt và tổ chức thực hiện;

- Thực hiện các quyết định hoặc kết luận của hội đồng trường về những nội dung được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Điều lệ trường học. Trường hợp hiệu trưởng không nhất trí với quyết định của hội đồng trường cần xin ý kiến cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trực tiếp của nhà trường. Trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trực tiếp, hiệu trưởng vẫn phải thực hiện theo quyết định của hội đồng trường đối với các vấn đề không trái với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này;

- Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và các quyết định của hội đồng trường trước hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

- Thực hiện tuyển dụng, quản lý giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động, tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật;

- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, ký xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh tiểu học (nếu có) của trường phổ thông có nhiều cấp học, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông cho học sinh trung học phổ thông (nếu có) và quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

- Quản lý tài chính và tài sản của nhà trường;

- Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; thực hiện quy chế dân chủ, trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ sở giáo dục trong tổ chức hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường;

- Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động; thực hiện công khai đối với nhà trường và xã hội theo quy định của pháp luật;

- Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định; tham gia dạy học theo quy định về định mức giờ dạy đối với hiệu trưởng;

- Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục: Chiến lược số 13/KHCL-BVĐ của trường TH&THCS Bế Văn Đàn ngày 10 tháng 12 năm 2020 về chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn đến 2030;

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quy chế được ban hành theo Quyết định số 51B/QĐQCDC-BVĐ ngày 6/10/2023 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở trong hoạt động của trường TH&THCS Bế Văn Đàn.

Các nghị quyết của hội đồng trường;

Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính;

Quy chế chi tiêu nội bộ;

Quy chế sử dụng tài sản.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

NĂM HỌC 2024-2025								NĂM HỌC 2023-2024						
Vị trí	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo Đạt/chưa đạt chuẩn	Chuẩn nghề nghiệp		Bồi dưỡng CM, NV	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo Đạt/chưa đạt chuẩn	Chuẩn nghề nghiệp		Bồi dưỡng CM, NV
					Tốt	Khá						Tốt	Khá	
Hiệu trưởng	01	00	00	01	01		Hoàn thành	01	00	00	01	01		Hoàn thành
Phó hiệu trưởng	01	00	00	01	01		Hoàn thành	01	00	00	01	01		Hoàn thành
Giáo viên THCS hạng II	04	02	00	04	04		Hoàn thành	04	02	0	04	04		Hoàn thành
Giáo viên THCS hạng III	03	02	02	03	03		Hoàn thành	03	03	02	03	03		Hoàn thành
Giáo viên THCS chưa đạt chuẩn	0	0	00	0	-			0	0	00	0	-		
Giáo viên TH hạng II	04	01	00	04	04		Hoàn thành	05	02	00	05	05		Hoàn thành
Giáo viên TH hạng III	06	04	00	06	06		Hoàn thành	07	04	01	07	07		Hoàn thành
GV TH chưa đạt chuẩn	01	0	00	01	-	01	Hoàn thành	01	0	00	01	-	01	Hoàn thành
Nhân viên (02 bảo vệ)	04	01	0	04	-	-	-	04	01	0	04	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>24</b>	<b>10</b>	<b>02</b>	<b>24</b>	19	01	-	<b>26</b>	12	03	26	21	01	

STT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	22	21	21	21	21
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,57	1,61	1,50	1,50	1,61
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,055	0,053	0,055	0,055	0,062
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp quận và tương đương	10	12	13	14	15
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	04	04	05	06	06

(Số liệu của 5 năm gần đây của nhà trường)

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Trường có diện tích 18,934 m<sup>2</sup>. Khuôn viên nhà trường được xây dựng ở môi trường yên tĩnh, đường liên thôn đi qua giao do đó thông thuận tiện cho học sinh đến trường, diện tích bình quân 56 m<sup>2</sup>/học sinh.

Trong những năm qua, nhà trường đã trồng và thường xuyên chăm sóc cây xanh che bóng mát cũng như các loại hoa kiểng. Đến nay, trong khuôn viên trường đã có các bồn hoa hình tròn trồng cây tạo bóng mát và các loại hoa để tăng tính thẩm mỹ cho sân trường, đảm bảo khuôn viên xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh;

Trường có cổng trường, biển tên trường, đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ, có tường rào bảo vệ khép kín cao 1,8m đảm bảo an toàn. Cổng chính của trường được xây dựng kiên cố, rộng rãi, cao ráo bảo đảm an toàn cho các bậc phụ huynh đưa đón học sinh, kể cả trong giờ cao điểm. Bên cạnh đó, Trường còn có 01 cổng phụ thuận tiện trong giờ tan học PH đến đón con thuận tiện. Biển tên trường được lắp đặt rõ ràng, đảm bảo vẻ mỹ quan, nội dung biển tên trường đúng theo quy định Điều lệ trường học;

Trường đã xây dựng công trình tổng diện tích 1100 m<sup>2</sup>; có sân chơi với diện tích khoảng 2500m<sup>2</sup>, được đổ bê tông đảm bảo diện tích khuôn viên, sân chơi, bãi tập theo quy định. Sân chơi, sân tập bằng phẳng đảm bảo an toàn cho học sinh vui chơi, rèn luyện thể dục thể thao, có các dụng cụ luyện tập thể dục, thể thao cho học sinh như: bóng chuyền, nhảy dây, cầu lông... Diện tích các

phòng làm việc, phòng học:

**Diện tích cụ thể như sau:**

Diện tích đất			Số lượng (m <sup>2</sup> )					
Tổng diện tích khuôn viên đất			18.934					
Trong đó: Diện tích đất được cấp			18.934					
Diện tích đất đi thuê (mượn)			00					
Diện tích đất sân chơi, bãi tập			2.500					
Phòng	Trên cấp 4		Cấp 4		Tạm		Mượn	
	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )
- Phòng học văn hoá	10	456	1	45.6	-	-	-	-
Trong đó: + Số phòng học đủ DTích và BGhế phù hợp tổ chức học nhóm	10	456	1	45.6	-	-	-	-
+ Số phòng học đủ diện tích cho việc bố trí các nhóm học tập	10	456	1	45.6	-	-	-	-
+ Số phòng học có đủ bàn ghế phù hợp cho việc tổ chức học nhóm	10	456	1	45.6	-	-	-	-
- Phòng học tin học		91.2	2	91.2	-	-	-	-



- Phòng học ngoại ngữ	1	45.6	-	-				
- Phòng giáo dục thể chất (đa năng)	-	-			-	-	-	-
- Hội trường	-	-			-	-	-	-
- Phòng giáo dục nghệ thuật	-	-			-	-	-	-
- Phòng giáo dục mỹ thuật			1	46.97	-	-	-	-
- Phòng giáo dục âm nhạc	-	-			-	-	-	-
- Phòng Thư viện	1	45.6	-	-	-	-	-	-
- Phòng thiết bị giáo dục	1	45.6	-	-	-	-	-	-
- Phòng truyền thông và hoạt động Đội	1	45.6	-	-	-	-	-	-
- Phòng hỗ trợ học sinh khuyết tật			-	-	-	-	-	-
- Phòng y tế học đường	-	-	1	21.6	-	-	-	-
- Phòng hiệu trưởng	-	-	1	24.6	-	-	-	-
- Phòng phó hiệu trưởng	-	-	1	24.6	-	-	-	-
- Phòng giáo viên	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phòng họp giáo viên (hội đồng)	-	-	1	80.94	-	-	-	-
- Văn phòng	-	-			-	-	-	-
- Phòng thường trực - Bảo vệ	-	-	1	15.6	-	-	-	-
- Nhà công vụ giáo viên	-	-	4	80.5	-	-	-	-

- Phòng kho lưu trữ			2	41.5				
<b>Nhà vệ sinh</b>	Dùng cho GV Nam		Dùng cho GV nữ		Dùng cho HS nam		Dùng cho HS nữ	
	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )
Đạt chuẩn vệ sinh (*)	1	14.5	1	14.5	1	22.1	1	22.1
Chưa đạt chuẩn vệ sinh	-	-	-	-	1	22,1	1	22,1
Không có	0		0		0		0	

(\*) Nhà tiêu hai ngăn ủ phân tại chỗ, nhà tiêu chìm có ống thông hơi, nhà tiêu thấm dột nước, nhà tiêu tự hoại

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Kết quả Tự đánh giá Trong 5 năm gần đây, nhà trường đang thực hiện xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng dạy và học để tiến tới đủ điều kiện đánh giá ngoài về kiểm định chất lượng giáo dục Đạt mức 2 trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 trong các năm học tiếp theo..

#### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

##### 1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước (2023-2024):

a) Số lượng HS:

Tên lớp	SL	SL Nữ	Tỉ lệ(%)	Dân Tộc	Tỉ lệ(%)	Nữ Dân tộc	Ghi chú
Lớp 1	23	9	39,1	4	17.4%	0	0%
Lớp 2	44	16	36,4	14	31.8%	4	9.1%
Lớp 3	41	22	53,6	16	39%	7	17.03%
Lớp 4	40	23	57,5%	6	15%	3	7.5%
Lớp 5	39	19	48,7%	8	20.5%	2	5.1%
<b>Tổng bậc tiểu học</b>	<b>187</b>	<b>89</b>	<b>47,1%</b>	<b>48</b>	<b>24.7%</b>	<b>16</b>	<b>7.8%</b>
Lớp 6	44	20	45.4%	9	20.5%	6	13.6%
Lớp 7	41	19	46.3%	9	21,1%	3	7.3%
Lớp 8	26	12	46.1%	8	30.7%	4	15.3%

Lớp 9	39	22	56.4%	5	12.8%	2	5.1%
<b>Tổng bậc THCS</b>	<b>150</b>	<b>73</b>	<b>48.6%</b>	<b>31</b>	<b>21.3%</b>	<b>15</b>	<b>10.3%</b>
<b>Tổng toàn trường</b>	<b>337</b>	<b>162</b>	<b>47.9%</b>	<b>79</b>	<b>23%</b>	<b>31</b>	<b>9.1%</b>

b. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

- Bậc tiểu học:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
<b>I</b>	<b>Tổng số học sinh</b>	<b>187</b>	23	44	41	40	39
<b>II</b>	<b>Số học sinh học 2 buổi/ngày</b>	<b>187</b>	23	44	41	40	39
<b>III</b>	<b>Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất</b>	<b>187</b>	23	44	41	40	39
1	<i>Tốt</i> (tỷ lệ so với tổng số)	<b>130</b> (69.5%)	14 (60.8%)	22 (50.0%)	41 (100%)	25 (62.5%)	28 (62.1%)
2	<i>Đạt</i> (tỷ lệ so với tổng số)	<b>57</b> (30.5%)	9 (39.2%)	12 (50%)	0 (0%)	15 (37.5%)	11 (37,9%)
3	<i>Cần cố gắng</i> (tỷ lệ so với tổng số)	<b>0</b> (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0
<b>IV</b>	<b>Số học sinh chia theo kết quả học tập</b>	<b>187</b>	23	44	41	40	39
1	Hoàn thành xuất sắc	<b>38</b> (25.8%)	6 (26.0%)	12 (27.2%)	13 (31.7%)	7 (17.5)	0
1	<i>Hoàn thành tốt</i> (tỷ lệ so với tổng số)	<b>32</b> (17.1%)	6 (13.6%)	3 (6.8%)	3 (7.3%)	10 (30%)	10 (25,6%)
2	<i>Hoàn thành</i> (tỷ lệ so với tổng số)	<b>113</b> (60.4%)	9 (39.1%)	26 (59.%)	22 (53.6%)	22 (55%)	29 (74,5%)
3	<i>Chưa hoàn thành</i> (tỷ lệ so với tổng số)	<b>4</b> (2,1%)	2 (8.6%)	1 (2.2%)	0 (0%)	1 (2.5%)	0
<b>V</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	<b>183</b> (98.5%)	21/23 (95.45%)	43/44 (97.5%)	41/41 (100%)	40/39 (100%)	39/39 (100%)

a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	67 (35,8%)	12 (52,1%)	16 (36,3%)	15 (36,5%)	17 (42,5%)	17 (43,5%)
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	12 (6,4%)	3 (13%)	3 (6,8%)	2 (4,8%)	3 (7,5%)	1 (2,5%)
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	4 (5,8%)	2 (8,6%)	1 (2,2%)	0 (0%)	1 (2,5%)	0 (0%)

- **Bậc THCS:**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	<b>150</b>	<b>44</b>	<b>41</b>	<b>26</b>	<b>39</b>
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	141 (94%)	44 (100%)	36 (87,8%)	22 (84,6%)	39 (100%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	9 (6%)	0 (0%)	5 (12,2%)	4 (15,4%)	0 (0%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>150</b>	<b>44</b>	<b>41</b>	<b>26</b>	<b>39</b>
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	13 (8,7%)	3 (6,8%)	3 (7,3%)	2 (7,7%)	5 (12,8%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	55 (36,6%)	15 (30,1%)	12 (29,7%)	9 (34,6%)	19 (48,7%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	82 (54,7%)	26 (60,1%)	26 (63%)	15 (57,7%)	15 (34,8%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>150</b>	<b>44</b>	<b>41</b>	<b>26</b>	<b>39</b>
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	150 (100%)	44 (100%)	41 (100%)	26 (100%)	39 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	13 (8,7%)	3 (6,8%)	3 (7,3%)	2 (7,7%)	5 (12,8%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	55 (36,6%)	15 (30,1%)	12 (29,7%)	9 (34,6%)	19 (48,7%)

2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	2	1	1	0	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>	0	0	0	0	4
1	Cấp huyện	0	0	0	0	4
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	36				36
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>	39				39
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	5 (12,8%)				5 (12,8%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	19 (48,8%)				19 (48,8%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	15 (38,4%)				15 (38,4%)
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)</b>	0	0	0	0	0
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>	79/71	20	19	12	22
<b>IX</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>	31	9	9	8	5

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 39/39, tỷ lệ 100%. Học sinh tốt nghiệp THCS 39/39, tỉ lệ 100%.

**2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài):** Không có

## **VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác) theo Nghị quyết 06/2021/NQ-HĐND tỉnh Đắk Nông)

- Quỹ thông tin liên lạc: 0 đ

- Thuê dọn nhà vệ sinh học sinh: 26.010.000 đ

- Quỹ Đội: 13.365.000 đ

- Kiểm tra đánh giá học sinh: 14.300.000 đ

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

- Ngân sách nhà nước năm 2024: 3.707.689.000 đ

+ Chi lương, phụ cấp và thu nhập: 2.188.680.914 (tới tháng 7)

+ Chi cơ sở vật chất: 0 đ

+ Chi khác: 51.380.000 đ

+ Chi chuyên môn: 86.974.000 đ

- Chi từ nguồn ngoài ngân sách.

+ Quỹ thông tin liên lạc: 0 đ

+ Thuê dọn vệ sinh: 26.010.000 đ

+ Quỹ Đội: 13.365.000 đ

+ Kiểm tra đánh giá học sinh: 14.300.000 đ

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Chưa chi trả học kỳ 2 năm học 2023 – 2024.

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

### **1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông**

Xây dựng kế giáo dục năm học 2023-2024 ngày 1 tháng 9 năm 2023 trong thực hiện nhiệm vụ năm học.

Chỉ đạo bộ phận chuyên môn, giáo viên thực hiện Căn cứ Kế hoạch số 35/KH-PGD&ĐT ngày 25/8/2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Gia Nghĩa về việc triển khai hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học cơ sở năm học 2023-2024; Hướng dẫn số 507/HD-PGD&ĐT ngày 28/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2023-2024. Các bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch chi tiết và phân công nhiệm vụ cụ thể các bộ phận, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong đó chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhằm đáp ứng nhu

cầu học tập của học sinh từng bước nâng cao chất lượng dạy và học. Kết quả: 100% cán bộ quản lý, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng sửa dụng sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhiệm vụ năm học, hướng dẫn tổ chức các sân chơi, hội thi; công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh:

Ngay từ đầu năm học, lãnh đạo nhà trường đã xây dựng các kế hoạch tổ chức, tham gia các sân chơi, các hội thi như giao lưu tiếng Việt, Sáng tạo TTN-Nhi đồng, Khoa học kỹ thuật, các cuộc thi học sinh giỏi... và triển khai tổ chức thực hiện giúp học sinh có thêm sân chơi bổ ích, được học hỏi, tiếp thu kiến thức qua từng vòng thi và đạt nhiều kết quả cao.

- Kết quả công tác chỉ đạo chuyên môn

Chỉ đạo bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch họp chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Các tổ chuyên môn chủ động xây dựng nội dung sinh hoạt định kỳ 2 lần/tháng. Xây dựng kế hoạch tổ chức thao giảng, chuyên đề, dự giờ thăm lớp để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. Kết quả: trong năm học 2023-2024 đã tổ chức 8 chuyên đề.

Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn cùng giáo viên phụ trách bộ môn đã tham dự đầy đủ các chuyên đề do tổ giáo viên cốt cán tổ chức..

## **2. Việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục**

2.1. Đảm bảo việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục  
Triển khai việc thực hiện KHGD, KHDH môn học, KHBD đến toàn thể GV trường; chỉ đạo tổ chuyên môn thực hiện Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục. 100% tổ chuyên môn xây dựng, triển khai KHGD, KHDH môn học. 100% giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

\* Đối với các lớp từ lớp 1 đến lớp 4 và lớp 6 đến lớp 8

- Thực hiện theo tinh thần Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD & ĐT về việc ban hành CTGDPT 2018;

- Tổ chức triển khai Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GD & ĐT về việc quy định đánh giá, xếp loại học sinh tiểu học; Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ GD & ĐT về việc quy định đánh giá, xếp loại học sinh THCS;

+ Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ GD & ĐT về việc quy định việc lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT;

+ Công văn của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn quy trình lựa chọn sách giáo khoa lớp 5 và lớp 9.

- 100% GV lớp 1, 2, 3, 4 được tham gia tập huấn chuyên môn, tập huấn lựa chọn SGK. Kết quả có 13/13 lớp (100%) học sinh được học tập và tham gia các hoạt động giáo dục, đảm bảo chất lượng, hiệu quả theo yêu cầu nội dung chương trình.

\* Đối với lớp 5, lớp 9: Tiếp tục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quyết định số 16/2006/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ GD & ĐT về việc ban hành CTGDPT;

- Tổ chức triển khai quán triệt tinh thần văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT (hợp nhất Thông tư số 22 và Thông tư 30) về việc đánh giá, xếp loại học sinh tiểu học.

- Kết quả có 02/02 lớp 5, lớp 9 thực hiện hiệu quả CTGDPT 2006.

2.2. Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình GDPT 2018.

a) Đối với môn Tiếng Anh

Trường có 02 giáo viên dạy môn Tiếng Anh, 01 trình độ B2, 01 trình độ B2 Trường thực hiện dạy Tiếng Anh cho tất cả các lớp học 2 buổi/ ngày (10 lớp từ lớp 3 đến lớp 9).

- Đối với lớp 5: tiếp tục triển khai Chương trình Tiếng Anh tự chọn theo Chương trình GDPT 2006 theo quy định; tăng cường tổ chức dạy đủ 4 tiết/tuần cho HS lớp 5; sử dụng SGK, tài liệu dạy học theo quy định của Bộ GDĐT theo Công văn số 4329/BGDĐT-GDTH ngày 27/6/2013 về việc chấn chỉnh việc sử dụng SGK, tài liệu dạy Tiếng Anh tiểu học và các văn bản khác của Bộ GDĐT.

Số HS được học môn Tiếng Anh toàn đơn vị 271/271 HS đạt 82,8% học sinh toàn trường.

HS, tỷ lệ 100 %; Số HS lớp 5 được học môn Tiếng Anh 4 tiết/tuần là 39/39 HS tỷ lệ 100%.

b) Đối với môn Tin học và việc tổ chức hoạt động giáo dục Tin học

Trường có 02 giáo viên dạy môn Tin học, có 02 phòng máy với 22 máy vi tính.

Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% HS lớp 3, lớp 4 bậc tiểu học và lớp 6 đến 9 bậc THCS theo yêu cầu được quy định trong Chương trình GDPT 2018 và 2006; triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Tin học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT theo Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học; HS lớp 3, 4 học môn Tin học, là 89/89, học sinh THCS 150/150 HS, tỷ lệ 100%. Học sinh lớp 5 được học môn Tin học là 41/41 HS, tỷ lệ 100%.



Kết quả: 100% học sinh lớp 3,4,5 được đánh giá hoàn thành môn học.

Thời lượng: Học sinh lớp 3, 4 và 6, 7, 8 học Tin học 1 tiết/tuần; lớp 5, lớp 9 học Tin học 2 tiết/tuần

### **3. Công tác triển khai giáo dục STEM, chuyển đổi số, thí điểm triển khai Học bạ số**

#### *3.1. Đối với giáo dục STEM*

Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CBQL, GV, cha mẹ HS, HS về vai trò của giáo dục STEM nhằm tạo sự đồng thuận; huy động nguồn lực của cộng đồng triển khai thực hiện hiệu quả giáo dục STEM trong Chương trình GDPT đối với 2 cấp học.

100% CB, GV được tập huấn giáo dục STEM, làm tốt công tác chỉ đạo, GV đã chủ động tích hợp nội dung giáo dục STEM vào kế hoạch giáo dục đảm bảo chất lượng và hiệu quả; tham dự các chuyên đề cấp cụm trường, cấp Quận nhằm tăng cường trao đổi chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chức dạy học STEM, bước đầu đưa nội dung giáo dục vào các môn học cụ thể theo chủ đề từng khối/lớp đã tạo được sự yêu thích, say mê, kích thích sự tìm tòi, học hỏi và sáng tạo của học sinh. Kết quả: 100% lớp thực hiện.

Tiếp tục thực hiện theo Công văn số 616/CV-PGD&ĐT ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Phòng giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa về việc triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục THCS. Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học lồng ghép các chủ đề giáo dục STEM đặc biệt là các bộ môn: Vật lý, Sinh Học, Hóa học, công nghệ trên tinh thần công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

#### *3.2. Đối với việc triển khai chuyển đổi số, thí điểm triển khai Học bạ số*

##### *a) Đối với việc triển khai chuyển đổi số, giáo dục kỹ năng công dân số*

Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết, điều hành công việc. Ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo, đặc biệt là nâng cao hiệu quả việc sử dụng hộp thư trường. Đẩy mạnh hoạt động, cập nhật thông tin kịp thời, đa dạng, phong phú về nội dung và hình thức thông tin trên hộp thư trường và các hộp thư cá nhân.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động về chính quyền số, chuyển đổi số, nhà trường xây dựng Kế hoạch số 29/KHCĐS-BVĐ ngày 29/9/2022 về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong nhà trường năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo..

- Phát huy vai trò của lãnh đạo nhà trường, công đoàn, đoàn thanh niên trong việc hỗ trợ viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Thúc đẩy phát triển chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục; Đẩy mạnh công

tác sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Tăng cường ứng dụng chữ ký số.

- Khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin quản lý, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ tốt công tác quản lý của đơn vị. GV thực hiện các nội dung quản lý, đánh giá học sinh trên CSDL; báo cáo kết quả hoạt động giảng dạy, giáo dục trên hệ thống cơ sở dữ liệu; tham gia sinh hoạt, hội họp qua Google Meet... khi cần thiết.

- Thực hiện các dịch vụ công phục vụ học sinh, phụ huynh học sinh như khoản thu không sử dụng tiền mặt, sử dụng hóa đơn điện tử.

c) Đối với việc triển khai thí điểm triển khai Học bạ số. Đã tổ chức tập huấn thực hiện học bạ số cho 100% giáo viên và thí điểm thực hiện năm học 2023-2024 đội ngũ thực hiện có hiệu quả tốt. Năm học

**4. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018.**

Trường TH&THCS Bế Văn Đàn đã ban hành Kế hoạch số 23/KH-BVĐ ngày 28/8/2023 về Kế hoạch triển khai dạy học giáo dục địa phương năm học 2023-2024 trên cơ sở chương trình đã được Sở GD&ĐT ban hành và hướng dẫn của phòng GD&ĐT thành phố Gia Nghĩa.

Đối với cấp tiểu học nhà trường đã tổ chức triển khai thực hiện nội dung giáo dục địa phương, gồm những vấn đề cơ bản, mang tính thời sự về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp của địa phương nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, có trách nhiệm với cộng đồng, biết trân quý và phát huy văn hóa truyền thống quê hương, phát triển năng lực và phẩm chất, ý thức tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn của địa phương. Các nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo tài liệu hướng dẫn và được tích hợp với hoạt động trải nghiệm của trường; Kết quả có 8/8 lớp (100%) được tổ chức tham gia học tập các nội dung giáo dục địa phương, tạo điều kiện để các em được tìm hiểu, trải nghiệm về bản sắc văn hóa và truyền thống địa phương mình, nơi gắn gũi với các em. Ngoài các hoạt động dạy học lịch sử địa phương tại lớp học, nhà trường tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động “về nguồn” nhân ngày Kỷ niệm 22/12..

**5. Thực hiện công tác lựa chọn sách giáo khoa lớp 5, lớp 9.**

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông; Căn cứ Quyết định số 4119/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sách giáo khoa các môn học, hoạt động giáo dục lớp 5 và sách giáo khoa môn Tiếng Trung Quốc lớp 3, lớp 4 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; Căn cứ

Quyết định số 392/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sách giáo khoa các môn học, hoạt động giáo dục lớp 5 và sách giáo khoa môn Ngoại ngữ 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; đơn vị đã thực hiện lựa chọn Bộ sách giáo khoa lớp 5 đúng quy định.

Căn cứ Quyết định số 4338/QĐ-BGDĐT ngày 18/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 9 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 412/QĐ-BGDĐT ngày 29/01/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phê duyệt bổ sung sách giáo khoa lớp 9 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Công văn số 312/SGDĐT-GDTrH-QLCL ngày ngày 23/02/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn lựa chọn sách giáo khoa lớp 9 và lớp 12 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Căn cứ Công văn số 109/CV-PGDĐT ngày 23/02/2024 của phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn lựa chọn sách giáo khoa lớp 9 sử dụng trong cơ sở giáo dục *phổ thông*

Sau khi có Quyết định phê duyệt củ UBND tỉnh nhà trường đã công bố Quyết định trên Website nhà trường và gửi đến PHHS bằng các phương tiện truyền thông khác nhau và công khai trên bangt hông báo của đơn vị.

#### *6. Nâng cao hiệu quả việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá*

- Dựa trên tình hình thực tế của nhà trường, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, thiết kế tiến trình dạy học trong mỗi môn học với các nội dung, các chủ đề dạy học, chủ đề tích hợp, liên môn phù hợp và theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực.

- Tiếp tục vận dụng triệt để, hiệu quả các phương pháp dạy học và các kỹ thuật dạy học tích cực để thực hiện dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

- Tăng cường rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng. Chú trọng rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh; khắc phụ lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc.

- Các giáo viên đều phải có ý thức sử dụng đồ dùng dạy học như tranh ảnh, mẫu vật, bảng phụ, ...Đảm bảo sử dụng đồ dùng dạy học hiệu quả cho các

tiết học có đồ dùng thí nghiệm, chống dạy chay, khuyến khích tự làm đồ dùng (giao Nhân viên thư viện, thiết bị lập sổ theo dõi).

- Khuyến khích GV có ý thức ứng dụng CNTT để đổi mới phương pháp dạy học và những GV biết sử dụng phần mềm dạy học. Trong năm học 2023 - 2024 mỗi giáo viên phải có ít nhất 4 bài giảng UDCNTT; quản lý hồ sơ giáo án, kế hoạch trên Vnedu.

- Thực hiện chuyên đề, ngoại khóa: mỗi tổ chuyên môn thực hiện 4 chuyên đề/ năm học, đảm bảo có đầy đủ các thành viên trong tổ dự. Tổ chức hội giảng các tiết (bài) khó (môn tích hợp ở lớp 6, 7 và 8) để tổ, nhóm đóng góp ý kiến, rút kinh nghiệm, tạo điều kiện để giáo viên thể hiện năng lực, học tập trao đổi kinh nghiệm về giảng dạy, tổ chức lớp học hiệu quả nhằm chuẩn bị tạo nguồn cho giáo viên tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp thành phố, cấp tỉnh năm học 2023-2024.

- Chỉ đạo giáo viên và học sinh tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn trên trang mạng, xây dựng các chuyên đề dạy học tích hợp, liên môn; đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh

- BGH cùng tổ chuyên môn thường xuyên dự giờ đột xuất, kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn, sử dụng đồ dùng dạy học của giáo viên nhằm tư vấn, giúp đỡ để giáo viên có phương pháp dạy tốt.

*\* Chỉ đạo tích cực đổi mới kiểm tra, đánh giá*

- Tiếp tục đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả các học sinh cần chú trọng đánh giá qua sản phẩm, mô hình của học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ học tập; vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá thông qua các bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. *Giáo viên có thể sử dụng các hình thức đánh giá nói trên thay cho các bài kiểm tra hiện hành.*

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề thi, kiểm tra theo ma trận. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc/ trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu: Nhận biết, Thông hiểu, Vận dụng, Vận dụng cao. Chỉ đạo việc ra các câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn đúng thay vì chỉ có các câu hỏi 1 lựa chọn đúng như trước đây.

- Tất cả các môn, tất cả các lớp, trong mỗi học kỳ tuyệt đối không dùng một hình thức tự luận hay trắc nghiệm khách quan để kiểm tra đánh giá học sinh.<sup>1</sup> Chủ động kết hợp một cách hợp lý, phù hợp giữa hình thức TN tự luận với trắc nghiệm khách quan, giữa kiểm tra lý thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra. Đề kiểm tra phải đưa vào ngân hàng đề, được tổ chuyên môn, BGH ký duyệt mới kiểm tra.

- Tổ chức thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm và nhận xét, đánh giá học sinh; đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh .

- Khi chấm bài kiểm tra nhất thiết phải có phần nhận xét, hướng dẫn, sửa sai, động viên sự cố gắng, tiến bộ của học sinh. Việc cho điểm có thể kết hợp giữa đánh giá kết quả bài làm với theo dõi sự cố gắng, tiến bộ của học sinh

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá; chuẩn bị tốt các điều kiện để sẵn sàng thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tuyến theo quy định, bảo đảm chất lượng, chính xác, hiệu quả, công bằng, khách quan, trung thực; đánh giá đúng năng lực của học sinh.

- Đối với tổ KH tự nhiên đảm bảo 50% điểm kiểm tra thường xuyên thông qua qua mô hình sản phẩm của học sinh (phải lưu trữ tại phòng học bộ môn).

*\* Đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn*

- Tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn: Nội dung sinh hoạt chuyên môn phải thể hiện rõ trong các nghị quyết họp tổ, nhóm. Thực hiện sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn 2 lần/ tháng;

- Tăng cường sinh hoạt tổ (nhóm) chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học và tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Khuyến khích giáo viên bộ môn tham dự sinh hoạt chuyên môn trao đổi qua diễn đàn trên mạng tại trang Website: [c12tranvanongianghia.daknong.edu.vn](http://c12tranvanongianghia.daknong.edu.vn)

- BGH kết hợp với các tổ chuyên môn ký duyệt kế hoạch dạy học đầu năm.

- BGH, tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn kiểm tra kế hoạch tổ/nhóm chuyên môn và kế hoạch dạy học của giáo viên phải có nhận xét đầy đủ, chịu trách nhiệm về nội dung mình kiểm tra.

- BGH duy trì nền nếp ký duyệt, nhận xét hồ sơ của giáo viên trên trang Vnedu theo quy định.

Đội ngũ nhà giáo, CBQL quan tâm viết bài và đưa tin về các hoạt động của trường, của Ngành về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, những gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học.... để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng thu hút sự quan tâm, ủng hộ trong cha mẹ học sinh.

Trên đây là nội dung công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về Quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của trường TH&THCS Bế Văn Đàn./.

**Nơi nhận:**

- PGDĐT (b/c);
- Website nhà trường;
- Bảng tin;



**HIỆU TRƯỞNG**

*Nguyễn Văn Hương*

- Luru: Vt.